ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 726 /UBND V/v công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2020	*Hòa Thành, ngày 10 tháng 7 năm 2020*

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tài chính Tây Ninh;
- Văn phòng Thị ủy;
- Các phòng, ban thuộc UBND thị xã;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã;
- Tòa án nhân dân thị xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở thị xã;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn huyện Hòa Thành.

Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2020, cụ thể như sau:

1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách thị xã 6 tháng đầu năm 2020.

- Cân đối ngân sách (Biểu số 93/CK-NSNN).
- Thực hiện thu ngân sách nhà nước (Biểu số 94/CK-NSNN).
- Thực hiện chi ngân sách (Biểu số 95/CK-NSNN).

2. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2020.

Trên đây là công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

(Đưa lên cổng thông tin điện tử thị xã)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH TÂY NINH

Lê Hồng Vân

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 325 /BC-UBND	*Hòa Thành, ngày 10 tháng 7 năm 2020*

BÁO CÁO THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

I. Thu ngân sách *(Biểu số 94/CK-NSNN)*

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (thu nội địa) lũy kế đến ngày 30/6/2020 là 150.965 triệu đồng, đạt 40,0% dự toán, so cùng kỳ giảm 0,70 %, cụ thể như sau:

1. Có 02/07 khoản thu đạt trên 50 % so dự toán gồm:

- Thu phí, lệ phí: 4.383 triệu đồng, đạt 73,05 % dự toán.
- Các khoản thu về nhà đất: 56.659 triệu đồng, đạt 60,86 % dự toán.

2. Có 05/07 khoản thu đạt dưới 50 % so dự toán gồm:

- Thuế thu nhập cá nhân: 15.242 triệu đồng, đạt 43.55 % dự toán.
- Thu khác tại xã: 1.715 triệu đồng, đạt 38,11 % dự toán.
- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 49.279 triệu đồng, đạt 35,20 % dự toán.
- Thu khác ngân sách: 2.662 triệu đồng, đạt 24,65 % dự toán.
- Lệ phí trước bạ: 21.025 triệu đồng, đạt 23,89 % dự toán.

II. Chi ngân sách *(Biểu số 93/CK-NSNN, Biểu số 95/CK-NSNN)*

Tổng chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 là 246.122 triệu đồng, đạt 47,24 % dự toán, so cùng kỳ tăng 13,19 %. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 67.424 triệu đồng.

2. Chi thường xuyên: 178.697 triệu đồng, đạt 48,58 % so dự toán. 3 tháng đầu năm 2020, ngân sách địa phương đảm bảo nguồn chi các hoạt động thường xuyên, chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ; đảm bảo trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội và các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao.

- Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề: 98.495 triệu đồng, đạt 44,39 % so dự toán.
- Chi đảm bảo xã hội: 20.137 triệu đồng, đạt 155,53 % so dự toán, nguyên nhân do tỉnh bổ sung kinh phí trợ cấp tết cho cán bộ công chức và thăm hỏi các gia đình chính sách, trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội, hỗ trợ tiền điện cho hộ chính sách, hộ nghèo và hộ cận nghèo.
- Chi quốc phòng-an ninh: 10.563 triệu đồng, đạt 44,41 % so dự toán.
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 1.446 triệu đồng, đạt 45,17 % so dự toán.
- Chi phát thanh, truyền hình: 126 triệu đồng.
- Chi sự nghiệp thể thao: 25 triệu đồng, đạt 3,49 % so dự toán.
- Chi sự nghiệp môi trường: 5.963 triệu đồng, đạt 48,09 % so dự toán.
- Chi sự kinh tế: 6.406 triệu đồng, đạt 28,88 % so dự toán.

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 32.227 triệu đồng, đạt 49,51 % so dự toán.

- Chi khác: 936 triệu đồng, đạt 50,79 % so dự toán.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Hòa Thành./.

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tài chính Tây Ninh;
- Văn phòng Thị ủy;
- Các phòng, ban thuộc UBND thị xã;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã;
- Tòa án nhân dân thị xã;
- Cơ quan của các đoàn thể thị xã;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH T. TÂY NINH

Lê Hồng Vân

Biểu số 93/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	*B*	*1*	*2*	*3=2/1*	*4*
A	**TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**377.400**	**150.965**	**40,00**	**99,30**
I	**Thu cân đối NSNN**	**377.400**	**150.965**	**40,00**	**99,30**
1	Thu nội địa	377.400	150.965	40,00	99,30
2	Thu viện trợ				
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển**				
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**521.010**	**246.122**	**47,24**	**113,19**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**489.430**	**246.122**	**50,29**	**113,19**
1	Chi đầu tư phát triển	111.290	67.424	60,58	113,76
2	Chi thường xuyên	367.858	178.697	48,58	112,98
3	Dự phòng ngân sách	9.790			
4	Tạo nguồn cải cách tiền lương	492			
5	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên		1		
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh**	**31.580**			

Biểu số 94/CK-NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	*B*	*1*	*2*	*3=2/1*	*4*
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**377.400**	**150.965**	**40,00**	**99,30**
I	**Thu nội địa**	**377.400**	**150.965**	**40,00**	**99,30**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	140.000	49.279	35,20	74,48
4	Thuế thu nhập cá nhân	35.000	15.242	43,55	98,92
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	88.000	21.025	23,89	57,37
7	Thu phí, lệ phí	6.000	4.383	73,05	125,84
8	Các khoản thu về nhà, đất	93.100	56.659	60,86	239,80
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*				
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	2.500	1.177	47,08	81,51
-	*Thu tiền sử dụng đất*	59.600	55.459	93,05	255,95
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	31.000			
-	*Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*		23		
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	10.800	2.662	24,65	55,88
11	Thu khác tại xã (bao gồm: Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác)	4.500	1.715	38,11	88,49
II	**Các khoản thu quản lý qua ngân sách**				
B	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**387.458**	**156.020**	**40,27**	**100,24**
1	Từ các khoản thu phân chia	278.233	94.708	34,04	76,83
2	Các khoản thu ngân sách thị xã được hưởng 100%	109.225	61.312	56,13	189,42

Biểu số 95/CK-NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳnăm trước
A	*B*	*1*	*2*	*3=2/1*	*4*
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**521.010**	**246.122**	**47,24**	**113,19**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**489.430**	**246.122**	**50,29**	**113,19**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**111.290**	**67.424**	**60,58**	**113,76**
1	Chi đầu tư cho các dự án	99.370			
2	Chi đầu tư phát triển khác	11.920			
II	**Chi thường xuyên**	**367.858**	**178.697**	**48,58**	**112,98**
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	221.873	98.495	44,39	105,13
2	Chi khoa học và công nghệ	230			
3	Chi y tế, dân số và gia đình	3.595	1.703	47,37	109,59
4	Chi văn hóa thông tin	3.201	1.446	45,17	170,52
5	Chi phát thanh, truyền hình		126		42,28
6	Chi thể dục thể thao	717	25	3,49	23,58
7	Chi bảo vệ môi trường	12.400	5.963	48,09	110,65
8	Chi hoạt động kinh tế	22.179	6.406	28,88	222,97
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	65.090	32.227	49,51	113,89
10	Chi bảo đảm xã hội	12.947	20.137	155,53	149,10
11	Chi quốc phòng-an ninh	23.783	10.563	44,41	102,68
12	Chi khác	1.843	936	50,79	116,13
13	Tạm chi chưa đưa vào cân đối NSNN		670		131,12
III	**Dự phòng ngân sách**	**9.790**			
IV	**Chi hoàn trả ngân sách cấp trên**		**1**		
V	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**492**			
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**31.580**			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	31.580			